TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1255/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 467/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/4/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 516/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thu T, sinh năm 1990 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường H, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức Thanh T1, sinh năm 1989 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường B, Ấp X, xã D, huyện M, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Dương Thu T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Đức Thanh T1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 31/8/2012 tại UBND Phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ cuối năm 2018, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Bà T và ông T1 đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2018, sau đó, có trở lại chung sống với nhau (từ tháng 3/2023 đến tháng 02/2024) nhưng vẫn không hạnh phúc. Vợ chồng tiếp tục sống ly thân từ tháng 02/2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có qua lại, mạnh ai nấy sống. Nay bà T nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 01 con chung tên Nguyễn Đức Minh A (sinh ngày 24/6/2013). Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, bị đơn ông Nguyễn Đức Thanh T1 trình bày:

Ông T1 và bà T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 31/8/2012 tại UBND Phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2019, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng có hàn gắn, hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Nay vợ chồng không còn qua lại với nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T1 đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đức Minh A (sinh ngày 24/6/2013). Ông T1 đồng ý giao cho bà T được trực tiếp nuôi con chung, và hoãn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thu T .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn tại thời điểm thụ lý vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thu T và ông Nguyễn Đức Thanh T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn do UBND

Phường 13, quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 31/8/2012 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà T: Căn cứ lời khai của các đương sự thì đủ cơ sở xác định trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bà T, ông T1 có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện tại, bà T, ông T1 đã sống ly thân được một thời gian và vợ chồng không còn qua lại, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của bà T và ông T1 đang ở trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình để chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T1.

[6] Về con chung: Bà T và ông T1 có 01 con chung tên Nguyễn Đức Minh A (sinh ngày 24/6/2013). Bà T và ông T1 thống nhất giao cho bà T được nuôi cháu Minh A. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như nguyện vọng của cháu Minh A, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Minh A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông T1 đề nghị hoãn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T1 khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đồng, bà T chịu nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Dương Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Đức Thanh T1.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đức Minh A (sinh ngày 24/6/2013). Giao con chung cho bà Dương Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Nguyễn Đức Thanh T1 cho đến khi có yêu cầu.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như

việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà T phải nộp án phí ly hôn là 300.000đồng, và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà bà T đã nộp theo biên lai số 0024569 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã Phường 13, Q. Gò Vấp;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam